

**TÒA ÁN NHÂN DÂN
THÀNH PHỐ T
TỈNH L**

**CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập-Tự do-Hạnh phúc**

Bản án số: 39/2021/DS-ST
Ngày: 28-6-2021
V/v” Tranh chấp dân sự về hợp
đồng vay tài sản”

**NHÂN DANH
NƯỚC CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM**

TÒA ÁN NHÂN DÂN THÀNH PHỐ T TỈNH L

- Thành phần Hội đồng xét xử sơ thẩm gồm có:

Thẩm phán-Chủ tọa phiên tòa: Bà Phạm Thị Thanh Thảo

Các Hội thẩm nhân dân:

Bà Nguyễn Thị Tĩnh

Bà Trịnh Thị Lệ Hoa

- Thư ký phiên tòa: Bà Võ Thị Thùy Trang, Thư ký Tòa án của Tòa án nhân dân thành phố T tỉnh L.

- Đại diện Viện kiểm sát nhân dân thành phố T tỉnh L tham gia phiên tòa: Bà Nguyễn Thanh Tuyền - Kiểm sát viên.

Ngày 28 tháng 6 năm 2021, tại trụ sở Tòa án nhân dân thành phố T, xét xử sơ thẩm công khai vụ án dân sự “Tranh chấp hợp đồng vay tài sản”, thụ lý số 287/2020/TLST-DS ngày 29 tháng 12 năm 2020 theo Quyết định đưa vụ án ra xét xử số 52/2021/QĐST-DS ngày 24 tháng 5 năm 2021 giữa các đương sự:

- Nguyên đơn: Ông Lê Q.B (Thum)

Sinh năm: 1979

Địa chỉ: 43/8 Ấp T xã V huyện C tỉnh L.

Người đại diện hợp pháp của nguyên đơn: Bà Phạm Thị H. P (theo Hợp đồng ủy quyền ngày 01 tháng 12 năm 2020 giữa ông Lê Q.B và bà Phạm Thị H. P)

- Bị đơn: Bà Nguyễn Ng. S

Sinh năm: 1970

Địa chỉ: 09 Đường N Phường M thành phố T tỉnh L.

NỘI DUNG VỤ ÁN:

Trong đơn khởi kiện và quá trình tố tụng, nguyên đơn và người đại diện hợp pháp của nguyên đơn trình bày: Giữa ông Lê Q.B và bà Nguyễn Ng. S có xác lập giao dịch dân sự: Bà S vay ông B ba lần với tổng số tiền là 280.000.000 đồng, vay không lãi, không kỳ hạn. Tuy nhiên, sau nhiều lần ông B yêu cầu bà S trả nợ nhưng bà S cố tình lẩn tránh, ngày 28 tháng 12 năm 2020, ông B đã gửi đơn đề nghị Ủy ban nhân dân Phường 1 thành phố T giải quyết yêu cầu bà S trả nợ cho ông. Song, bà S không tham gia phiên hòa giải. Do đó, ông B khởi kiện, yêu cầu bà S trả cho ông tiền nợ gốc là 280.000.000 đồng và tiền lãi do chậm thực hiện nghĩa vụ trả tiền từ ngày 29 tháng 12 năm 2020 cho đến khi xét xử sơ thẩm theo quy định tại khoản 2 Điều 468 Bộ luật dân sự.

Bà Nguyễn Ng. S không còn cư trú tại địa phương, Tòa án đã thực hiện việc thông báo trên phương tiện thông tin đại chúng theo quy định tại Điều 180 Bộ luật tố tụng dân sự. Đã hết thời hạn theo thông báo nhưng bà S vẫn không tham gia tố tụng. Do đó, Tòa án tiến hành giải quyết vụ án theo thủ tục chung.

Kiểm sát viên phát biểu quan điểm về việc chấp hành pháp luật của những người tiến hành tố tụng, người tham gia tố tụng trong quá trình tố tụng. Về nội dung, đề nghị chấp nhận yêu cầu khởi kiện của các nguyên đơn và đề nghị giải quyết các vấn đề khác theo quy định.

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:

[1] Giữa ông Lê Q.B và bà Nguyễn Ng. S đã xác lập hợp đồng vay tài sản. Trong quá trình thực hiện giao dịch, do bà S không thực hiện nghĩa vụ trả nợ khi ông B yêu cầu nên ông Lê Q.B khởi kiện. Theo quy định tại Điều 26, Điều 36 và Điều 39 của Bộ luật tố tụng dân sự, Tòa án nhân dân thành phố T tỉnh L thụ lý và giải quyết vụ án.

[2] Theo kết quả xác minh ngày 20 tháng 01 năm 2021 của Công an Phường 1 thành phố T tỉnh L: Bà Nguyễn Ng. S có hộ khẩu thường trú tại số 09 Đường Nguyễn Đình Chiểu Phường 1 thành phố T tỉnh L, hiện tại, bà S không còn cư trú tại địa phương. Ông B đã thực hiện việc thông báo công khai trên phương tiện thông tin đại chúng theo quy định tại Điều 180 Bộ luật tố tụng dân sự. Hết một tháng, kể từ ngày Trung tâm Truyền hình Việt Nam khu vực Nam Bộ phát sóng thông báo lần cuối và Công ty Cổ phần Thông tin Truyền thông Công Lý đăng thông báo lần cuối, bà Nguyễn Ng. S vẫn không tham gia tố tụng, Tòa án nhân dân thành phố T đưa vụ án ra xét xử theo quy định; người đại diện hợp pháp của nguyên đơn có đơn đề nghị xét xử vắng mặt. Do vậy, Tòa án tiến hành xét xử vắng mặt tất cả các đương sự theo quy định tại Điều 238 Bộ luật tố tụng dân sự.

[3] Bà Nguyễn Ng. S không tham gia tố tụng. Tuy nhiên, căn cứ vào văn bản viết tay, bắt đầu bằng “có mượn của Thum” và kết thúc bằng “Nguyễn Ng.

S” và nội dung phát sóng, nội dung đăng thông tin trên báo Công lý và trang thông tin điện tử của Tòa án nhân dân tối cao mà bà S không phản đối, có cơ sở xác định, bà Nguyễn Ng. S đã vay ông B ba lần, cụ thể: ngày 13 tháng 8 năm 2020, số tiền vay là 200.000.000 đồng; ngày 21 tháng 8 năm 2020, số tiền vay là 20.000.000 đồng; ngày 14 tháng 9 năm 2020, số tiền vay là 60.000.000 đồng. Tổng cộng, bà S đã vay 280.000.000 đồng. Hợp đồng vay được xác lập giữa bà S và ông B là hợp đồng vay không lãi và không kỳ hạn. Do ông B không có chứng cứ chứng minh việc ông có yêu cầu bà S thực hiện nghĩa vụ trả tiền nên xem việc ông B yêu cầu Ủy ban nhân dân Phường 1 thành phố T tỉnh L tiến hành hòa giải tranh chấp giữa ông và bà S là việc ông báo trước cho bà S thực hiện nghĩa vụ trả tiền theo quy định tại Điều 469 Bộ luật dân sự, đồng thời, xác định thời điểm Ủy ban nhân dân tiến hành hòa giải mà bà S không đến tham gia hòa giải là thời điểm bà S phải thực hiện nghĩa vụ trả nợ.

[4] Bà Nguyễn Ng. S phải trả cho ông Lê Q.B số tiền nợ gốc là 280.000.000 đồng theo quy định tại Điều 466 và 469 Bộ luật dân sự và tiền lãi do chậm thực hiện nghĩa vụ trả tiền từ ngày 29 tháng 12 năm 2020 đến nay (05 tháng 29 ngày) theo quy định tại Điều 357 Bộ luật dân sự. Cụ thể: $280.000.000 \text{ đồng} + 280.000.000 \times 10\%/\text{năm} \times 05 \text{ tháng } 29 \text{ ngày} = 293.922.222 \text{ đồng}$.

[5] Về án phí: Bà Nguyễn Ng. S phải chịu án phí sơ thẩm theo quy định tại Điều 147 Bộ luật tố tụng dân sự và Điều 26 Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14 ngày 30 tháng 12 năm 2016 của Ủy ban thường vụ quốc hội quy định về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí và lệ phí Tòa án. Cụ thể: $293.922.222 \text{ đồng} \times 5\% = 14.696.000 \text{ đồng}$. Ông Lê Q.B không phải chịu án phí sơ thẩm.

Vì các lẽ trên,

QUYẾT ĐỊNH:

Căn cứ vào Điều 357 Điều 466 và Điều 669 của Bộ luật dân sự; Điều 272 và Khoản 1 Điều 273 Bộ luật tố tụng dân sự.

Chấp nhận yêu cầu khởi kiện của nguyên đơn Lê Q.B

Buộc bà Nguyễn Ng. S phải trả cho ông Lê Q.B 293.922.222 (hai trăm chín mươi ba triệu chín trăm hai mươi hai nghìn hai trăm hai mươi hai) đồng.
Gồm:

- Tiền nợ gốc: 280.000.000 đồng.
- Tiền lãi do chậm thực hiện nghĩa vụ trả tiền từ ngày 29 tháng 12 năm 2020 đến ngày 28 tháng 6 năm 2021: 13.922.222 đồng.

Kể từ ngày bản án có hiệu lực và có đơn yêu cầu thi hành án của người được thi hành án, hàng tháng người phải thi hành án còn phải chịu tiền lãi theo mức lãi suất quy định tại khoản 2 Điều 468 của Bộ luật dân sự, tương ứng với số tiền và thời gian còn phải thi hành.

Về án phí: Bà Nguyễn Ng. S phải chịu án phí sơ thẩm là 14.696.000 đồng. Ông Lê Q.B không phải chịu án phí sơ thẩm. Hoàn trả cho ông Lê Q.B 7.000.000 đồng tiền tạm ứng án phí mà ông B đã nộp (theo Biên lai thu tiền tạm ứng án phí số 0005056 ngày 29 tháng 12 năm 2020 của Chi cục Thi hành án dân sự thành phố T tỉnh L).

Ông Lê Q.B chịu lệ phí thông báo trên phương tiện thông tin đại chúng là 2.400.000 đồng (đã nộp đủ).

Về quyền kháng cáo: nguyên đơn Lê Q.B, bị đơn Nguyễn Ng. S vắng mặt tại phiên tòa, các đương sự có quyền kháng cáo trong thời hạn mười lăm ngày, kể từ ngày nhận được bản án hoặc kể từ ngày bản án được niêm yết.

Trường hợp bản án, quyết định được thi hành theo quy định tại Điều 2 Luật thi hành án dân sự thì người được thi hành án dân sự, người phải thi hành án dân sự có quyền thỏa thuận thi hành án, quyền yêu cầu thi hành án, tự nguyện thi hành án hoặc bị cưỡng chế thi hành án theo quy định tại các Điều 6, 7 và 9 Luật thi hành án dân sự; Thời hiệu thi hành án được thực hiện theo quy định tại Điều 30 Luật thi hành án dân sự.

Nơi nhận:

- Tòa án tỉnh
- Viện kiểm sát nhân dân cùng cấp
- Chi cục thi hành án dân sự
- Các đương sự
- Lưu: VT, hồ sơ vụ án

**TM. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ SƠ THẨM
THẨM PHÁN - CHỦ TỌA PHIÊN TÒA**

Phạm Thị Thanh Thảo